

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2026

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Hưng
Bà Trần Thị Ngọc Trân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*

Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 47/2025/HNGĐST ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Như Huỳnh**, sinh ngày 30/4/2006

CCCD số: 091306015411 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 31/5/2021

Địa chỉ: Số 810/253 Ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Hưng, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông **Kim Jeongho**, sinh năm 1972

Hộ chiếu số M68371220, Hàn Quốc cấp ngày 18/10/2016

Địa chỉ: 19-16 Jeongsagol-gil Woosung-myeon Gongju-si Chungcheongdam-do, Korea

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)



H.Đ
ÁN
VG
YẾ
/A-

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2025 và bản tự khai ngày 14/4/2025 bà **Trần Thị Như Huỳnh trình bày**: Tháng 07/2024, bà và ông Kim Jeongho quen biết nhau qua mai mối, quá trình tìm hiểu cả hai nảy sinh tình cảm, tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang) vào ngày 06/9/2024.

Sau khi kết hôn, ông Jeongho ở lại Việt Nam khoảng 10 ngày thì trở về Hàn Quốc. Khoảng 01 – 02 tháng thì ông Jeongho về Việt Nam thăm bà 01 lần, mỗi lần về ở lại khoảng 07 ngày thì quay về Hàn Quốc. Do bất đồng ngôn ngữ, quan điểm sống và mâu thuẫn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã sống ly thân, không còn liên lạc từ cuối tháng 11/2024 đến nay.

Nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông Jeongho, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Huỳnh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Jeongho. Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn ông Kim Jeongho**: Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Như Huỳnh theo thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Như Huỳnh với bị đơn ông Kim Jeongho.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục: Nguyên đơn bà Trần Thị Như Huỳnh có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Kim Jeongho vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng theo thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ. Căn cứ Điều 228, Điều 238, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung: Bà Trần Thị Như Huỳnh và ông Kim Jeongho kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 176 ngày 06/9/2024 nên Hội đồng xét xử nhận định là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân ly hôn: Bà Huỳnh xác nhận do bất đồng ngôn ngữ, quan điểm sống và mâu thuẫn về kinh tế nên ông, bà đã không còn liên lạc với nhau từ cuối tháng 11/20024. Đối với ông Kim Jeongho đã nhận các văn bản tố tụng theo

thủ tục uỷ thác tư pháp của Tòa án nhưng không có văn bản có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Như Huỳnh.

Xét thấy hôn nhân giữa bà Trần Thị Như Huỳnh và ông Kim Jeongho đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Như Huỳnh đối với ông Kim Jeongho. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Như Huỳnh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Như Huỳnh phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí đã tạm nộp 300.000đ theo biên lai thu số 16 ngày 11/4/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

[4]. Chi phí thực hiện uỷ thác tư pháp:

Phí uỷ thác tư pháp: Bà Trần Thị Như Huỳnh phải chịu phí uỷ thác tư pháp 200.000 đồng, bà Huỳnh đã nộp theo biên lai thu số 0006339 ngày 24/4/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

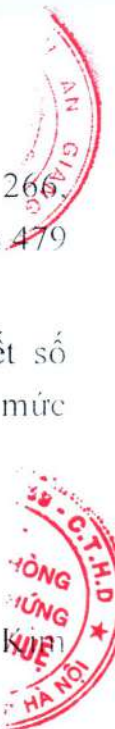
Căn cứ khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Như Huỳnh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Như Huỳnh được ly hôn với ông Kim Jeongho.
2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Như Huỳnh xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.
3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Như Huỳnh phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 16



ngày 11/4/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

4. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp:

Phí ủy thác tư pháp: Bà Trần Thị Như Huỳnh phải chịu phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng, bà Huỳnh đã nộp theo biên lai thu số 0006339 ngày 24/4/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

5. Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Như Huỳnh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Tòa án niêm yết. Ông Kim Jeongho có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh An Giang;
- THA dân sự tỉnh An Giang;
- UBND xã Thạnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Huỳnh Thị Út Mẫn

An Giang 성
인민 법원

사건 번호: 18/2026/HNGĐ-ST

날짜: 2026/02/26

이혼의 건

베트남 사회 주의 공화국
독립-자유-행복

BẢN DỊCH
TRANSLATION

베트남 사회 주의 공화국

대표

An Giang 성 인민 법원

- 초심 공판 이사회는 다음과 같다:

판사- 의장: Huynh Thi Ut Man 님

인민 위원: Nguyen Tan Hung 님

Tran Thi Ngoc Tran 님

- 법원 비서: Vo Tuan Anh 님- An Giang 성 인민법원 비서

- 공판에 참가한 An Giang 성 인민 검찰청의 대표자: Cao Phuong Binh 님-검찰관

2026 년 2 월 26 일, An Giang 성 인민법원 본원에서 2025 년 4 월 22 일 접수된 사건번호 제 47/2025/HNGD-ST 의 혼인 및 가족 사건("이혼"에 관한 건)에 대하여, 2026 년 1 월 15 일자 제 09/2026/QDXXST-HNGD 호 제 1 심 재판회부 결정에 따라 공개로 제 1 심 재판을 진행하였다. 사건의 당사자는 다음과 같다:

- 원고: Tran Thi Nhu Huynh, 생년월일: 2006 년 4 월 30 일

주민등록증 번호: 091306015411

발급기관: 사회질서행정관리 경찰국

발급일자: 2021 년 5 월 31 일

주소: An Giang 성 Thanh Hung 면 Thanh Loi 읍 810/253 번지

- 피고: Kim Jeongho, 생년월일: 1972 년

여권번호: M68371220 (대한민국, 2016 년 10 월 18 일 발급)

주소: 대한민국 충청남도 공주시 우성면 정사골길 19-16

(당사자들은 재판에 출석하지 아니하였다)

사건의 내용

2025 년 3 월 14 일자 소장 및 2025 년 4 월 14 일자 원고 진술서에 의하면, 원고 Tran Thi Nhu Huynh 은 다음과 같이 진술하였다. 2024 년 7 월경, 원고와 피고 Kim Jeongho 는 중매를 통해 알게 되었고, 교제 과정에서 서로 애정이 형성되어 혼인식을

거행한 후 2024년 9월 6일 Kien Giang 성 Giong Rieng 현 인민위원회(현 An Giang 성 Giong Rieng 면)에서 자발적으로 혼인신고를 하였다.

혼인 후 피고 **Kim Jeongho** 는 약 10 일간 베트남에 체류한 뒤 대한민국으로 귀국하였다. 이후 약 1~2 개월 간격으로 1 회씩 베트남을 방문하였으며, 방문할 때마다 약 7 일간 체류한 후 다시 대한민국으로 돌아갔다. 언어 차이, 생활관의 차이 및 경제적 문제로 인한 갈등으로 부부는 자주 다투었고, 2024년 11 월 말경부터 현재까지 별거 상태로 지내며 상호 연락이 단절되었다.

원고는 피고 **Kim Jeongho** 와의 혼인관계에서 더 이상 부부로서의 애정이 존재하지 아니하고 혼인의 목적이 달성될 수 없다고 판단하여 법원에 이혼을 청구하였다. 자녀, 공동재산 및 공동채무에 대하여는 존재하지 아니하며, 이에 관한 법원의 판단을 구하지 아니하였다.

피고 **Kim Jeongho**: 법원의 적법한 사법공조(위탁송달) 절차에 따른 소송 진행 전 과정에서 출석하지 아니하였고, 원고 **Tran Thi Nhu Huynh** 의 이혼 청구에 대하여 어떠한 의견서도 제출하지 아니하였다.

An Giang 성 인민검찰청 대표는 다음과 같은 의견을 개진하였다. 재판절차의 준수 여부에 관하여 담당 판사, 재판부, 법원서기 및 원고는 모두 민사소송법의 규정을 준수하였다. 사건의 실체에 관하여는 재판부가 원고 **Tran Thi Nhu Huynh** 의 피고 **Kim Jeongho** 에 대한 이혼 청구를 인용할 것을 제안하였다.

법원의판단

[1] 절차에 관하여: 원고 **Tran Thi Nhu Huynh** 은 궐석재판을 신청하였고, 피고 **Kim Jeongho** 는 법원의 적법한 사법공조 절차에 따른 소송 진행 과정에서 출석하지 아니하였다. 민사소송법 제 228 조, 제 238 조 및 제 477 조에 근거하여, 재판부는 원고 및 피고의 궐석 상태에서 심리를 진행하기로 하였다.

[2] 본안에 관하여: 원고 **Tran Thi Nhu Huynh** 과 피고 **Kim Jeongho** 는 자발적인 의사에 따라 혼인하였고, 적법하게 혼인신고를 마쳤으며, 2024년 9월 6일 Kien Giang 성 Giong Rieng 현 인민위원회(현 An Giang 성 Giong Rieng 면)로부터 혼인증명서 제 176 호를 발급받았으므로, 재판부는 본 혼인이 적법하게 성립된 것으로 판단한다.

이혼 사유에 관하여: 원고는 언어 차이, 생활관의 차이 및 경제적 갈등으로 인하여 2024년 11 월 말경부터 상호 연락이 단절되었다고 진술하였다. 피고 **Kim Jeongho** 는 법원의 사법공조 절차에 따라 소송 관련 서류를 송달받았음에도 불구하고, 원고의 이혼 청구에 대하여 아무런 의견도 제출하지 아니하였다.

이에 재판부는 원고와 피고 사이의 혼인관계가 이미 회복할 수 없을 정도로 파탄에 이르렀고, 혼인생활을 계속 유지할 수 없으며 혼인의 목적 또한 달성될 수

없다고 판단한다. 혼인 및 가족에 관한 법률 제 56 조에 근거하고, An Giang 성 인민검찰청 대표의 의견을 받아들여, 원고 **Tran Thi Nhu Huynh** 과 피고 **Kim Jeongho** 에 대한 이혼 청구를 인용한다. 자녀, 공동재산 및 공동채무에 대하여는 원고가 존재하지 아니한다고 진술하고 이에 대한 판단을 구하지 아니하였으므로, 본 재판부는 이를 심리하지 아니한다.

[3] 제 1 심 혼인 및 가족 사건 소송비용: 원고 **Tran Thi Nhu Huynh** 은 300,000 동 of 소송비용을 부담하여야 하며, 이는 2025 년 4 월 11 일자 Kien Giang 성 민사집행국(현 An Giang 성 민사집행국)의 영수증 제 16 호에 따라 기납부한 예납금 300,000 동과 상계한다.

[4] 사법공조 비용:

사법공조 수수료: 원고 **Tran Thi Nhu Huynh** 은 200,000 동 of 사법공조 비용을 부담하여야 하며, 이는 2025 년 4 월 24 일자 Kien Giang 성 민사집행국(현 An Giang 성 민사집행국)의 영수증 제 0006339 호에 따라 이미 납부되었다.

위와 같은 이유로 인해,

결정:

민사소송법 제 38 조 제 2 항, 제 147 조 제 4 항, 제 228 조 제 1 항, 제 266 조, 제 273 조, 제 469 조 제 1 항 제 d 호, 제 477 조 제 5 항 제 a 호, 제 479 조 제 2 항의 규정에 의하고;

2014 년 혼인 및 가족에 관한 법률 제 56 조 및 2016 년 12 월 30 일자 국회상임위원회 결의 제 326/2016/UBTVQH14 호(법원 비용 및 수수료의 징수, 면제, 감면, 징수·납부·관리 및 사용에 관한 규정)를 적용하여, 다음과 같이 판결한다.

판정:

원고 **Tran Thi Nhu Huynh** 의 청구를 인용한다.

1. 혼인관계에 관하여: 원고 **Tran Thi Nhu Huynh** 과 피고 **Kim Jeongho** 는 이혼한다.
2. 자녀, 공동재산 및 공동채무에 관하여: 원고 **Tran Thi Nhu Huynh** 은 자녀, 공동재산 및 공동채무가 존재하지 아니한다고 진술하고 이에 대한 판단을 구하지 아니하였으므로, 법원은 이를 심리하지 아니한다.
3. 제 1 심 혼인 및 가족 사건 소송비용: 원고 **Tran Thi Nhu Huynh** 은 300,000 동 of 소송비용을 부담하여야 하며, 이는 2025 년 4 월 11 일자 Kien Giang 성 민사집행국 (현 An Giang 성 민사집행국) 의 영수증 제 16 호에 따라 기납부한 예납금 300,000 동과 상계한다.
4. 사법공조 비용:



M

사법공조 수수료: 원고 **Tran Thi Nhu Huynh** 은 200,000 동 of 사법공조 비용을 부담하여야 하며, 이는 2025년 4월 24일 자 Kien Giang 성 민사집행국(현 An Giang 성 민사집행국)의 영수증 제 0006339 호에 따라 이미 납부되었다.

5. 항소권: 원고 **Tran Thi Nhu Huynh** 은 판결문을 수령한 날 또는 법률 규정에 따라 판결문이 공시된 날로부터 15일 이내에 항소할 권리가 있다. 피고 **Kim Jeongho** 은 판결문이 적법하게 송달된 날 또는 법률 규정에 따라 판결문이 공시된 날로부터 1개월 이내에 항소할 권리가 있다.

판결, 결정은 민사형 시행법 제 2 조의 규정에 의하여 시행될 경우 민사형을 시행되는 자, 민사형을 시행해야 하는 자는 민사형 시행법 제 6 조, 7 조, 7a 조, 9 조의 규정에 의하여 시행 합의권, 시행 요청권이 있거나, 자발적으로 시행하거나 시행을 강제됩니다. 시행 기간은 민사형 시행법 제 30 조의 규정에 의하여 실시됩니다./.

수신처:

- An Giang 성 인민검찰청;
- An Giang 성 민사형 시행국;
- Thanh Hung 면 인민위원회;
- 각 당사자;
- 사건 서류 저장.

초심 공판 이사회의 대표자

판사 - 의장

(서명, 날인)

Huynh Thi Ut Man



Tôi, Nguyễn Phương Hoa, Căn cước công dân số: 001303026520 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Việt sang tiếng Hàn**

성명: Nguyen Phuong Hoa; 주민등록번호 : 001303026520; 발급처: 사회 질서 행정 관리 경찰국; 발급일: 2021/12/27; 이 자료를 베트남에서 한국어로 정확하게 번역했습니다.

Ngày 21 tháng 04 năm 2026

2026년 04월 21일

Người dịch ký và ghi rõ họ tên

번역자 서명 및 성명 기재

M

Nguyễn Phương Hoa

Nguyen Phuong Hoa

Ngày 21 tháng 04 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày hai mươi một, tháng tư, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)
2026년 04월 21일

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

하노이시, O Cho Dua동, Giang Vo 165번지에서 주소가 있는 Nguyen Hue 공증 사무소에서

Tôi, *Lê Như Xuân* là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

저는 공증인 *Lê Như Xuân* 입니다, 하노이시, Nguyen Hue 공증 사무소에서.

CHỨNG THỰC

- Bà Nguyễn Phương Hoa là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

- Bản dịch của các trang đã được ký tên bởi Nguyễn Phương Hoa. Công chứng viên đã kiểm tra và xác nhận chữ ký của người dịch, đồng thời đã kiểm tra và xác nhận chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Văn bản chứng thực này được lập thành 03 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 05 tờ, 05 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

공증 문서는 원본 부로 작성되며, 각 번역본은 매, 페이지를 포함하며, 하노이시 Nguyen Hue 공증 사무소에서 원본 01부씩을 저장합니다.

Số chứng thực: *53263* Quyền số: 01/2026 - SCT/CKND

공증번호: *53263* 대장번호: 01/2026 - SCT/CKND

Người thực hiện chứng thực
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

CÔNG CHỨNG VIÊN

공증인



Lê Như Xuân